



BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÙNG ĐBSCL
CÁC TÁC ĐỘNG ĐẾN SẢN XUẤT NÔNG
NGHIỆP VÀ AN NINH LƯỢNG THỰC

TS. Đặng Kim Sơn- IPSARD

Việt Nam: Tổng quan

Tài nguyên đất:

- Tổng diện tích: 33 triệu ha
- Diện tích đất NN: 25 triệu ha
- Diện tích sản xuất NN: 9,6 triệu ha
- Diện tích đất lúa: 4 triệu ha.
- ~ 70% dân số sống ở nông thôn.
- Lao động nông nghiệp 48% (2013)

Diện tích đất NN trên đầu người giảm từ 1,100m² (2001) xuống còn 900m² (2010) (nguồn: Vụ KHCNMT bộ NN và TTTK năm 2013)

- Đảm bảo ANLT quốc gia: LT bình quân đầu người tăng 445kg (2000) lên 513kg (2010)
- Xuất khẩu: 4,3 tỷ USD (2000); 25 tỷ USD (2012)



Các thành tố cơ bản của ANLT và mối liên hệ của chúng

An ninh lương thực và dinh dưỡng

Tính sẵn có

- Năng suất cây trồng
- Sử dụng nước hiệu quả
- Dự trữ lương thực
- Thương mại

Khả năng tiếp cận

- Thu nhập của người dân
- Giá cả
- Thị trường
- Giao thương
- Cơ sở hạ tầng
- Khả năng phân phối LT

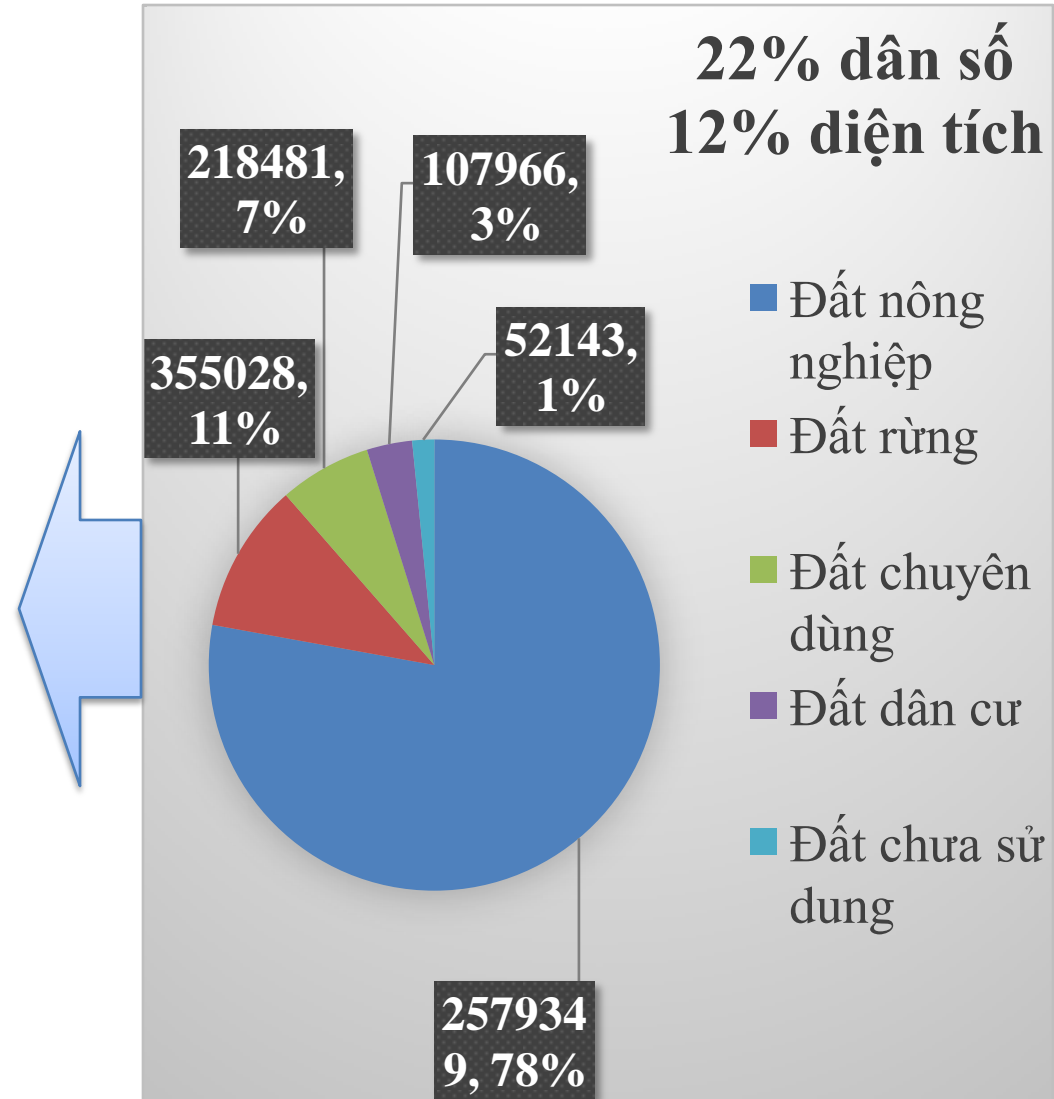
Khả năng sử dụng

- Kiến thức về LT và DD
- Chế biến và hành vi TD
- Văn hóa sử dụng LT
- Các tiêu chuẩn
- Tình trạng sức khỏe
- Vệ sinh ATTP

Tính ổn định: Cung cấp ổn định, giảm thiểu rủi ro, bền vững môi trường

Sản xuất nông nghiệp của vùng ĐBSCL

- Chiếm 40% GDP NN
- Chiếm 50% tổng SL lúa
- 90% SL lúa phục vụ XK
- Chiếm 60% sản lượng thủy sản
- Chiếm 70% giá trị XK thủy sản
- Chiếm 50% SL thịt và trứng cung cấp cho các vùng khác
- Hơn 70% tổng SL trái cây

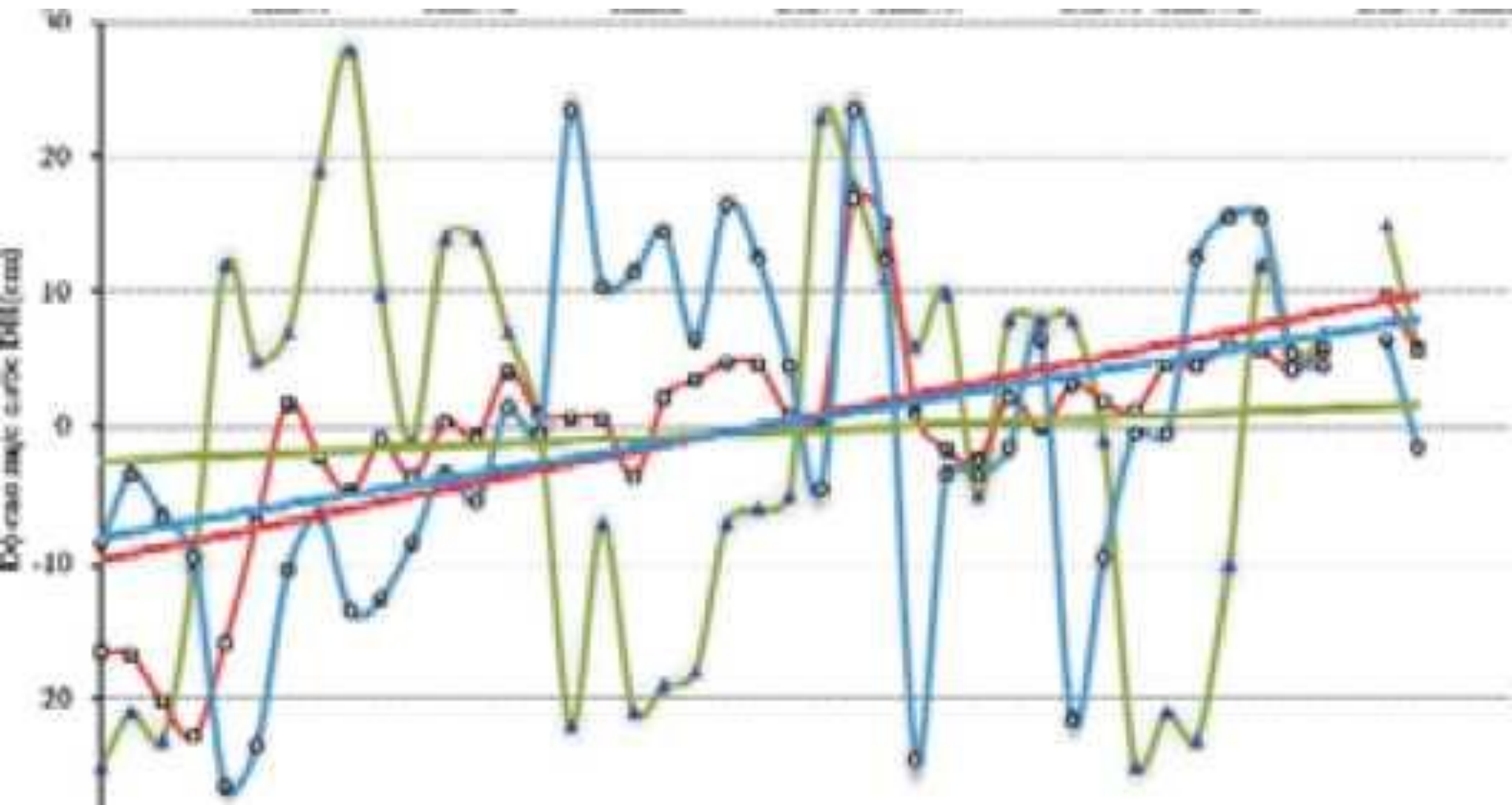


Tác động của BĐKH

Nước biển dâng

Trong 50 năm qua mực nước biển đã dâng cao ~ 20cm (trạm hòn Dấu)

Nguồn: báo cáo kịch bản BĐKH, 2012 Bộ TNMT



Nước biển dâng và xâm mặn

Nước có nồng độ muối $\geq 4\text{g/l}$ vùng ĐBSCL

	Mặn xâm thực (1000ha)	So sánh với 2004
1. Thực tế 2004	1.303	-
2. Nếu nước biển dâng 0.69m	1.493	+ 190
2. Nếu nước biển dâng 1m	1.637	+ 334

(Nguồn: Đào Xuân Học, 2009)

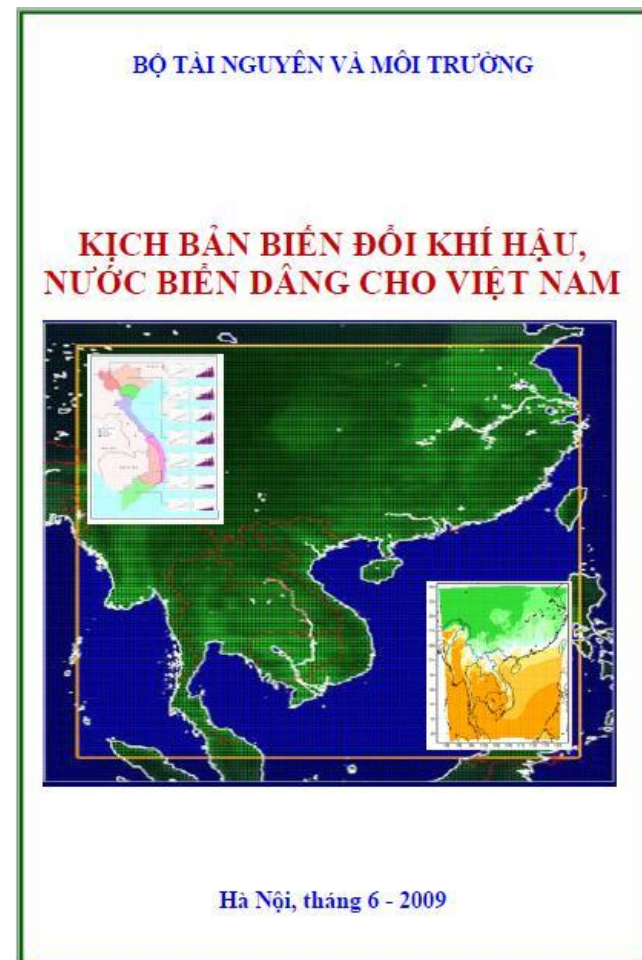
Diện tích đất lúa bị ngập do nước biển dâng theo vùng

Đơn vị: ha

Vùng	Năm 2020 (12cm)		Năm 2030 (17cm)	
	DT bị ngập	DT lúa ngập	DT bị ngập	DT lúa ngập
Toàn quốc	32.497	5.714	42.420	19.873
1. TDMNBB	98	20	124	56
2. ĐBSH	1.042	288	1.506	622
3. DHBTB	3.757	838	5.429	2.184
4. DHNTB	490	89	709	293
5. Đông Nam Bộ	2.520	579	3.642	1.565
6. ĐBSCL	24.590	3.900	31.010	15.152

Dự báo tác động

- Ảnh hưởng diện tích đất NN tại ĐBSCL:
Khi nước biển dâng 1 m sẽ đe dọa 930.000 ha đất SX NN của vùng
- Với sản xuất lúa:
 - Làm giảm năng xuất lúa:
 - + 2030: 8-15%
 - + 2050: 9-30%
 - Tăng rủi ro cho lâm nghiệp (giảm đa dạng sinh học, cháy rừng): tăng tính dễ bị tổn thương
 - + 2020: 6-40%;
 - + 2050: 16-52%;
 - + 2100: 51-85%.
 - Đe dọa thiếu nước sinh hoạt, sức khỏe và sản xuất do xâm mặn v.v. ,
 - Ảnh hưởng đến nuôi trồng và đánh bắt các loại thủy, hải sản v.v. (nguồn thu để tiếp cận LT)



Ảnh hưởng kinh tế xã hội bởi tăng mức nước nội địa ở Đồng bằng sông Cửu Long

Giả định mức nước tăng (m)	0,6	1,0	1,4	1,8	2,2	2,6
Tổng diện tích hiện tại: 40600 km ²						
Diện tích bị mất (km ²)	2	626	6.036	12.867	28.034	37.629
Tổng dân số diện tại: 17,695 nghìn người						
Dân số bị ảnh hưởng (nghìn người)	0,71	278,22	2.682,46	5.718,12	12.458,46	16.722,41
Tổng diện tích trồng lúa hiện tại: 20.855,2 km ²						
Diện tích bị mất (km ²)	2	380	3.027	6.541	14.920	20.719
Tổng sản lượng lương thực hiện tại: 20 triệu tấn						
Sản lượng suy giảm (nghìn tấn)	1,67	364,92	2906,27	6280,21	14.323,93	19.890,81

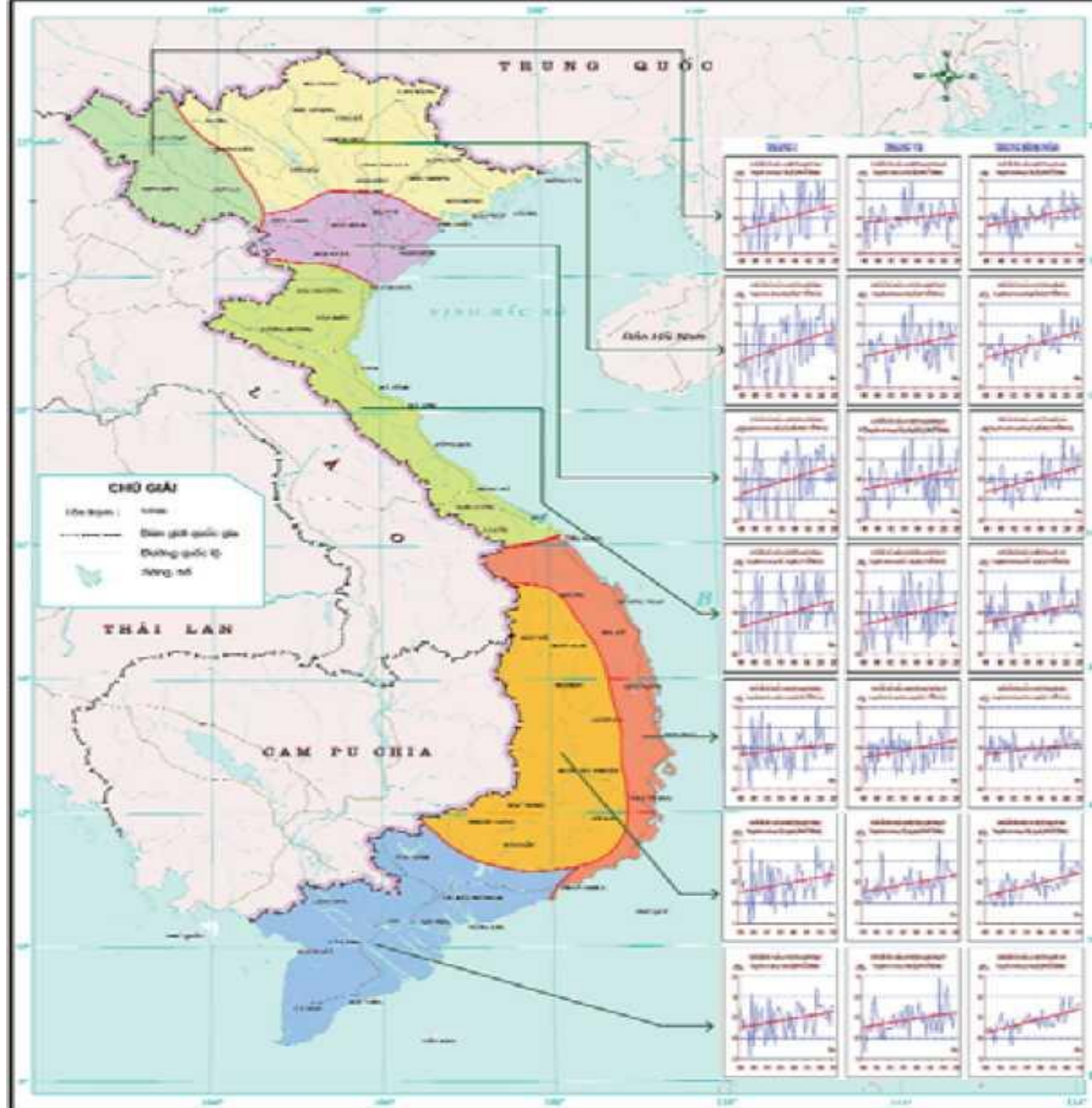
Nguồn: Khoa tài nguyên đất, trường tài nguyên thiên nhiên và môi trường, Đại học Cần Thơ

Tăng nhiệt độ

–Khu vực ĐBSCL trong 50 năm qua tăng $> 0.5\text{ }^{\circ}\text{C}$

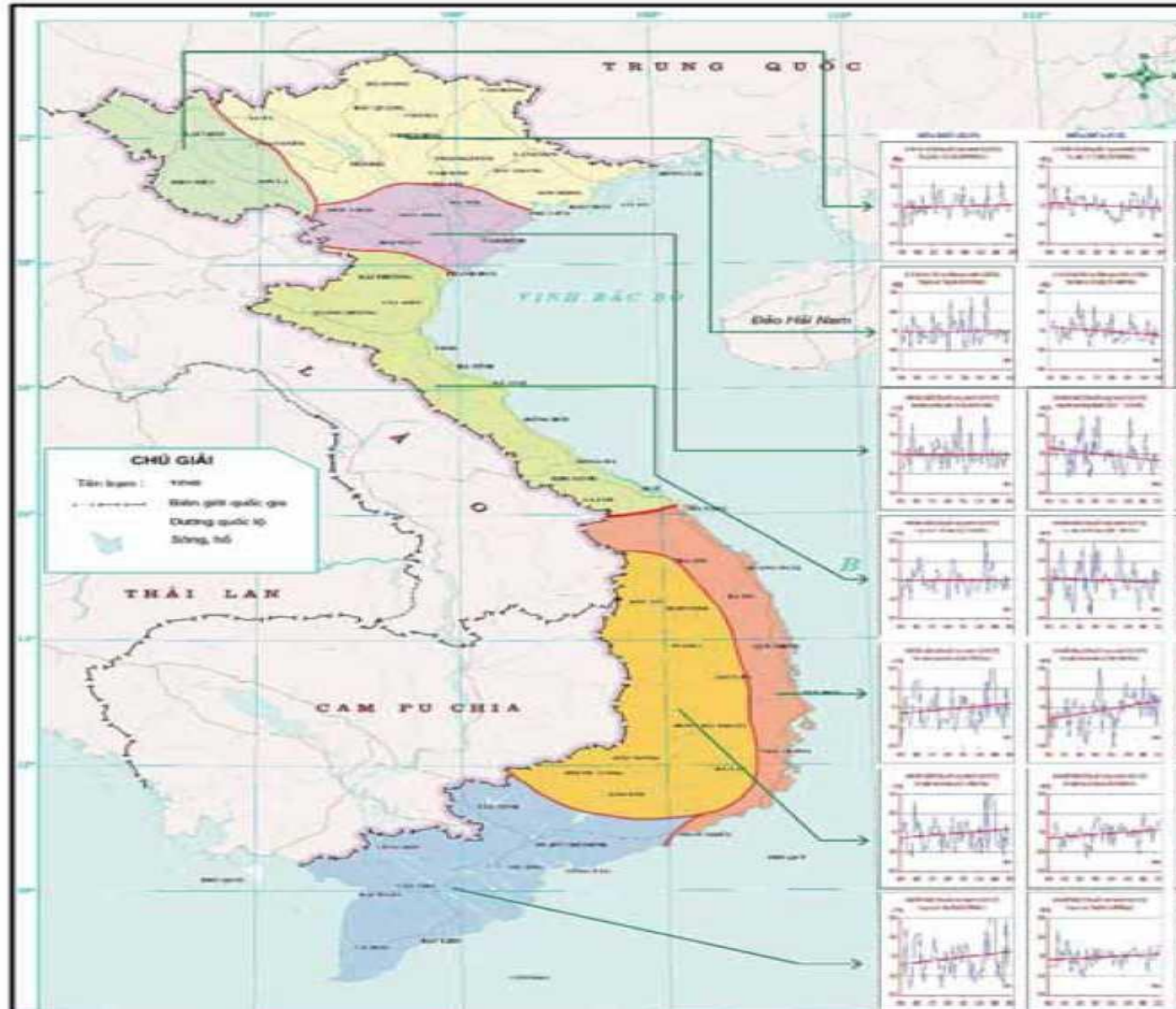
–ảnh hưởng lớn đến SX NN và sinh kế vùng ĐBSCL

(MONRE 2012)



Lượng mưa

50 năm qua
giảm khoảng
2% Phân bố
mưa không
đều giữa các
mùa, các vùng
(MONRE
2012)



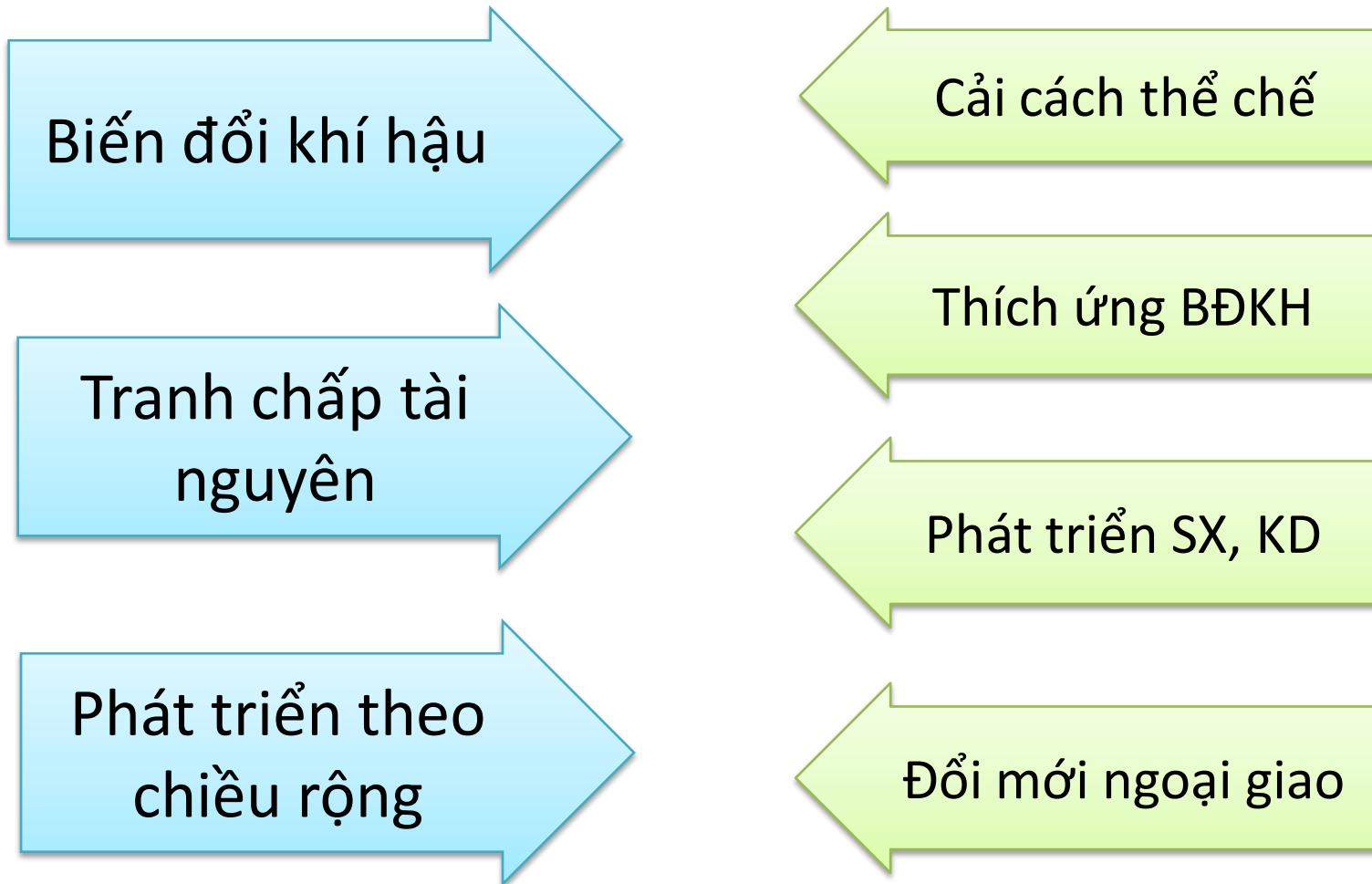
Tầm nhìn mới trong NN

Đến năm 2020

- ✓ Tăng sản lượng LT 20%
- ✓ Giảm tỷ lệ nghèo 20%
- ✓ Giảm phát thải KNK trong NN 20%



Thách thức và cơ hội phát triển nông nghiệp



Tiêu thụ gạo bình quân đầu người đã giảm ở tất cả các vùng trong giai đoạn 2002-2008. ...

Vùng	2002	2004	2006	2008	Thay đổi 2008/2002 (%)	Thay đổi trung bình hàng năm 2002-2008 (kg)
	(kg)	(kg)	(kg)	(kg)		
TB	162	164.4	157.2	159.6	-1.48	-0.4
ĐB	164.4	165.6	154.8	153.6	-6.57	-1.8
ĐBSH	147.6	150	140.4	136.8	-7.32	-1.8
BTB	150	150	145.2	140.4	-6.4	-1.6
DHNTB	132	133.2	127.2	123.6	-6.36	-1.4
TN	150	147.6	141.6	139.2	-7.2	-1.8
ĐNB	116.4	109.2	108	103.2	-11.3	-2.2
ĐBSCL	146.4	146.4	138	132	-9.84	-2.4
Tổng	144	144	136.8	132	-8.33	-2

Nguồn: Điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam (VHLSS) 2002, 2004, 2006, 2008 - Tổng cục Thống kê

Dự báo tương lai

1. Theo dự đoán của UNDP, tới năm 2030, dân số nước ta vào khoảng 106 triệu người,
2. Hệ số quay vòng đất lúa: giảm xuống 1,8 vào năm 2030
3. Lượng sử dụng để làm giống và thức ăn chăn nuôi: giữ nguyên như hiện nay
4. Hao hụt trong và sau thu hoạch: 10% và 7%
5. Lượng dự trữ tối thiểu: 1,5-2 triệu tấn lúa thặng dư

Giả định các phương án tính toán

- Đất lúa theo 4 phương án: 3; 3,3; 3,6; 3,8 triệu ha
- Năng suất lúa: 5,8; 6,3; 7 tấn/ha
- Tiêu dùng gạo đầu người: 100 (theo xu hướng chung); 120 kg/người/năm
- Tạo ra 24 kịch bản từ thấp nhất đến cao nhất
- Tất cả đều dư thừa gạo từ 700 nghìn tấn đến cao nhất thừa 12 triệu tấn gạo cho xuất khẩu

Kịch bản cân đối lương thực Việt Nam năm 2030

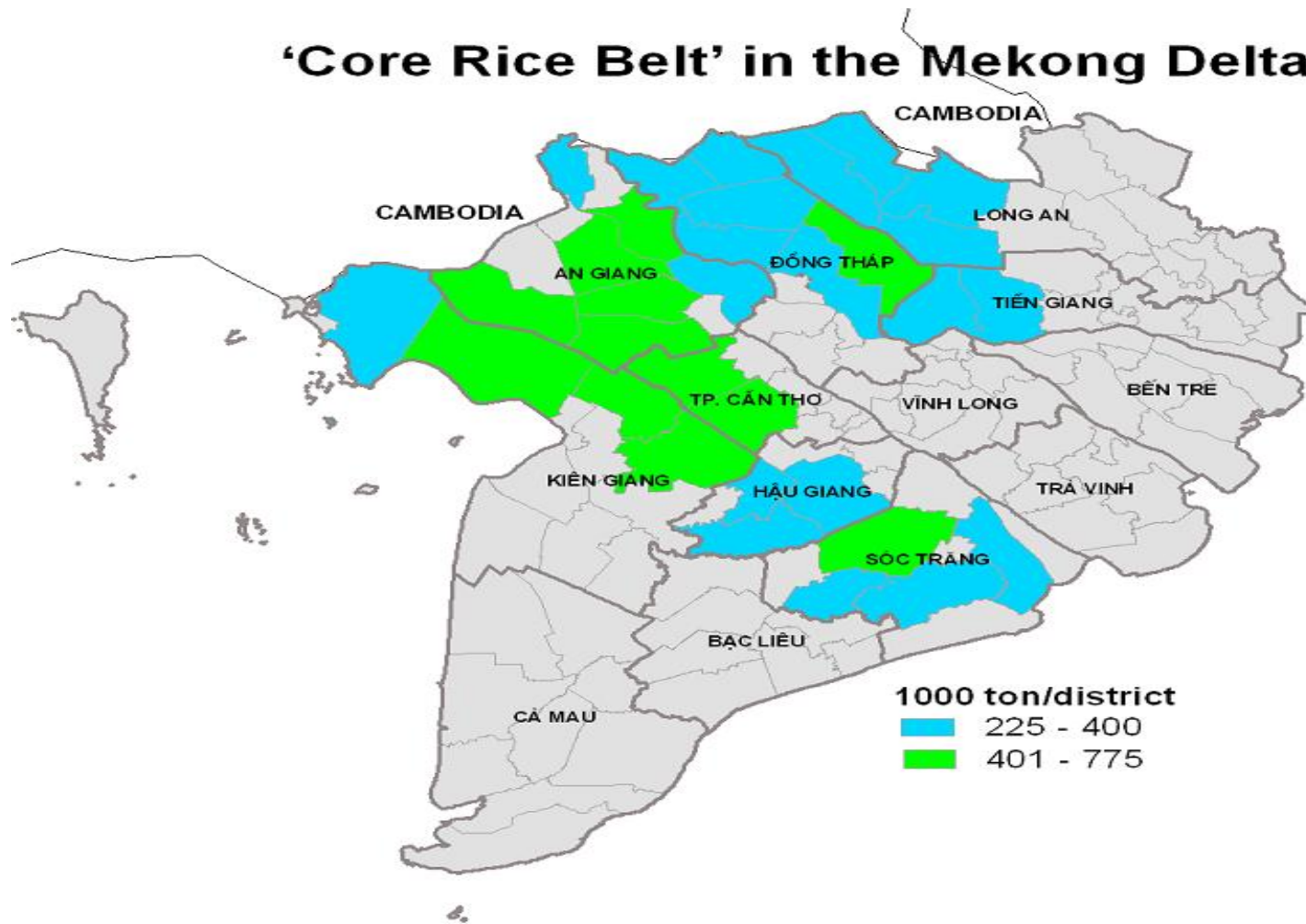
Kịch bản	Dự báo năm 2030		
	Sản lượng lúa	Tiêu dùng gạo	Xuất khẩu gạo
3,8 triệu ha	40,3	12,7	5,2
3,6 triệu ha	38,2	12,7	4,1
3,3 triệu ha	35,0	12,7	2,4
3,0 triệu ha	31,8	12,7	0,8

Nguồn: WB, 2011

- 2030:**
- ✓ Dân số: **110,4 triệu**
 - ✓ Mức tiêu thụ: **100 - 120 kg/người**
 - ✓ Tỷ lệ dân đô thị: **41,8%**¹⁷

Lúa gạo hàng hóa xuất khẩu tập trung vào 6 tỉnh ĐBSCL

'Core Rice Belt' in the Mekong Delta



Một số giải pháp sản xuất lúa

- Chọn tạo và cải tiến các giống lúa
- Áp dụng kỹ thuật tưới Khô- Ướt
- Áp dụng hiệu quả phân, thuốc
- Quản lý cây trồng tổng hợp (3 giảm ba tăng, 1 phải năm giảm, ruộng lúa bờ hoa v.v)
- Tái sử dụng phụ phẩm từ trồng lúa (củ trấu, rơm làm TĂ chăn nuôi và trồng nấm)



Một số giải pháp đa dạng sản xuất

- Cải tiến các giống cây lương thực theo hướng:

Chịu hạn, bán ngập, chịu mặn, chịu nóng, thời gian sinh trưởng ngắn

Có thể xem xét các cây biến đổi gen như:

Ngô, đậu tương để SX TĂ chăn nuôi

- Thay đổi cơ cấu mùa vụ

Luân canh, xen canh

Lúa cá; lúa tôm

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật

Tưới nước tiết kiệm

Làm đất tối thiểu

Nông nghiệp bảo tồn v.v

- Đa dạng hóa SX

Nuôi trồng thủy sản

Phát triển rau màu, CẢQ

Phát triển ngành nghề phi nông nghiệp



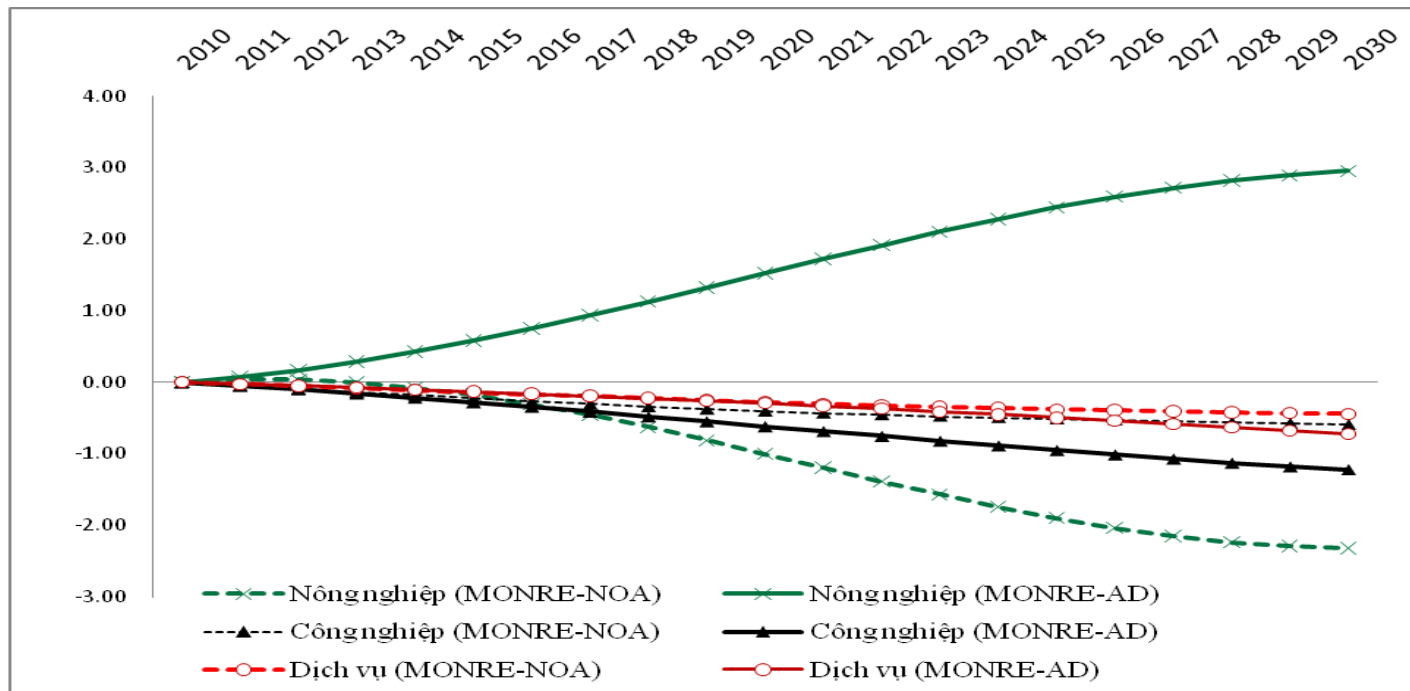
Một số giải pháp

- Ưu tiên một số giải pháp phi công trình trong nâng cao năng lực UPBĐKH cho vùng ĐBSCL như
- Đầu tư phục hồi hệ thống rừng ngập mặn ven biển để ngăn nước biển dâng, xâm mặn và suy giảm đa dạng sinh học
 - Áp dụng liên kết nông dân doanh nghiệp trong đầu tư sản xuất-chế biến và thương mại đảm bảo khả năng sẵn có, khả năng phân phối nhanh, khả năng tiếp cận tốt đến các nguồn lương thực
 - Thực hiện chính sách bảo hiểm NN, trước mặt ưu tiên cho các ngành sản xuất và chế biến lương thực, hải sản tại vùng ĐBSCL
 - Phát triển hạ tầng sản xuất NN phải gắn với chiến lược
- ²¹ UPBĐKH của toàn vùng

Tác động theo ngành:

áp dụng các biện pháp ứng phó BĐKH đề ra cho ngành NN thì giá trị sản lượng ngành NN sẽ tăng lên đáng kể trong khi các ngành khác giảm nhẹ

Sản lượng thực của ba ngành gộp theo các kịch bản MONRE (% chênh lệch so với kịch bản NOCC)

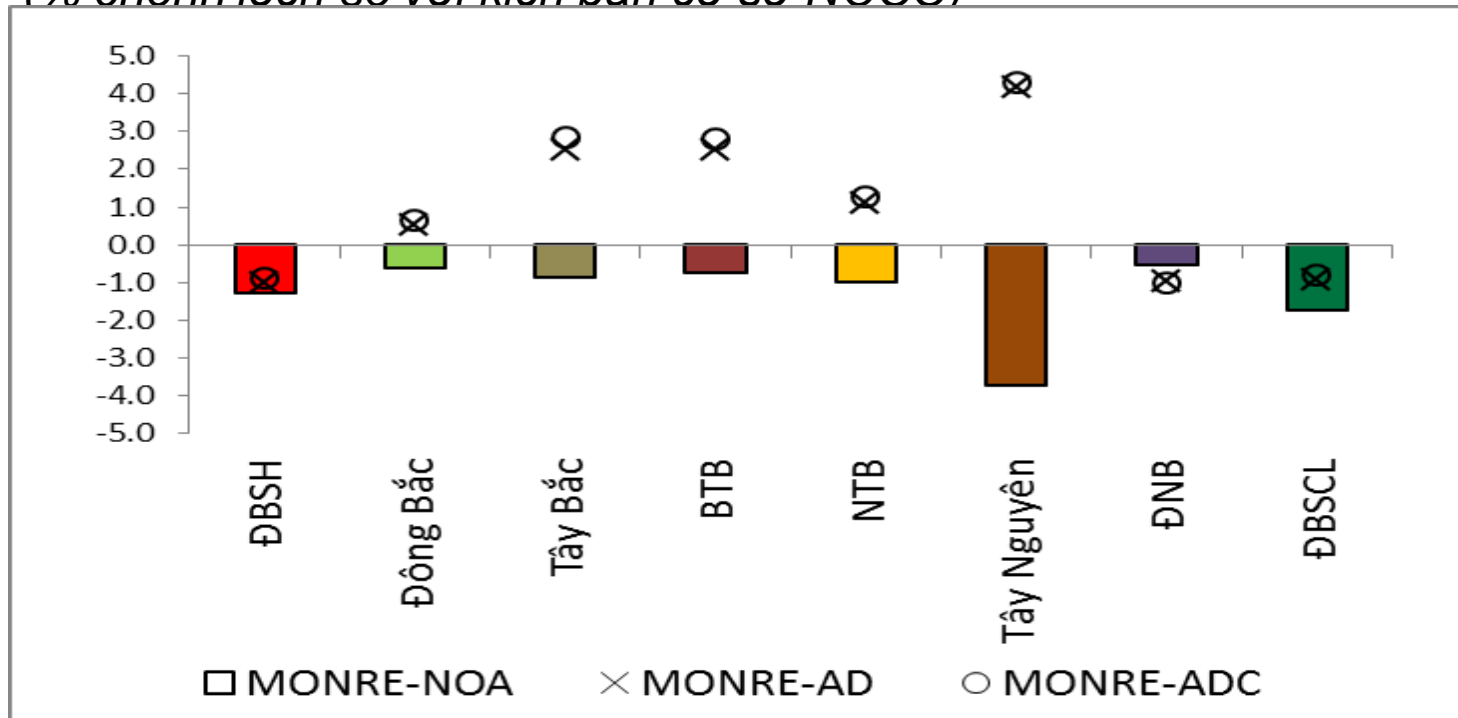


Tác động theo vùng:

Tây Nguyên chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của BĐKH ở Việt Nam là do tác động bất lợi cho cà phê nếu không có các giải pháp ứng phó. Ngược lại, Tây Nguyên là vùng hưởng lợi nhiều nhất.

Chênh lệch GDP thực theo vùng năm 2030 theo các kịch bản khí hậu MONRE

(% chênh lệch so với kịch bản cơ sở NOCC)



ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH SẢN XUẤT, KINH DOANH

- Tập trung xây dựng cánh đồng mẫu lớn (CSHT, tín dụng, khuyến nông, xúc tiến TM)
- Hỗ trợ DN XK vùng nguyên liệu, hợp đồng với tổ nhóm/HTX nông dân (giống, kỹ thuật, thu mua, chế biến, tiêu thụ,...)
- Hỗ trợ chung (nghiên cứu, khuyến nông, tín dụng, thủy lợi)
- Cải tiến hoạt động của Hiệp hội LTVN với sự tham gia của nông dân, doanh nghiệp nhỏ ở tất cả các khâu từ SX-CB-KD.
- Đẩy mạnh cổ phần hóa và sắp xếp lại các DN Nhà nước
- Xúc tiến thương mại và phát triển thị trường (tiêu chuẩn, thương hiệu,...)
- Nghiên cứu chính sách phát huy hiệu quả tổng hợp của lúa gạo: hợp tác đầu tư dài hạn SX lúa gạo để đảm bảo ANLT quốc tế trên địa bàn VN hoặc tại nước ngoài

ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH AN NINH LƯƠNG THỰC

- Cấp sổ, thẻ cho các đối tượng dễ tổn thương (già yếu).
XD kênh phân phối riêng cho đối tượng này
- Chuyển từ hỗ trợ trực tiếp sang hỗ trợ sinh kế
- Mở rộng diện áp dụng cho các chương trình lương thực tạo việc làm (môi trường, an ninh, bảo vệ văn hóa)
- Đào tạo, giáo dục, hỗ trợ dịch vụ
- Tạo việc làm và thu nhập phi nông nghiệp